

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị định 75/2021/NĐ-CP mức trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người;

Căn cứ Nghị định 20/2021/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDĐT-BTC ngày 15/10/2015 giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Đại học Bách khoa Hà Nội do Hội đồng Đại học ban hành theo Nghị quyết số 17/NQ-ĐHKB ngày 16/3/2023;

Căn cứ Quy chế Quản lý tài chính của Đại học Bách khoa Hà Nội do Hội đồng Đại học ban hành theo Nghị quyết số 20/NQ-ĐHKB ngày 16/3/2023;

Căn cứ Quy chế Chi tiêu nội bộ của Đại học Bách khoa Hà Nội do Giám đốc Đại học ban hành theo Quyết định số 1736/QĐ-ĐHKB ngày 16/3/2023;

Theo đề nghị của Ông (bà) Trưởng phòng Công tác sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và được áp dụng từ năm học 2023-2024.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng Công tác sinh viên, Đào tạo, Tài chính - Kế toán, Hành chính Tổng hợp, trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, CTSV.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

PGS. TS. Nguyễn Phong Điền

QUY ĐỊNH

Về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHBK ngày / /2023
của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

Quy định này nhằm mục đích cụ thể hóa các chính sách về việc miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội (sau đây viết tắt là ĐHBK Hà Nội) được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ, Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy định này quy định về đối tượng được hưởng chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập; mức miễn giảm học phí, mức hỗ trợ chi phí học tập, mức hỗ trợ học tập; quy trình thủ tục thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên đại học hình thức đào tạo chính quy văn bằng thứ nhất tại ĐHBK Hà Nội.

Chương II ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, HỖ TRỢ HỌC TẬP

Điều 3. Đối tượng được miễn học phí

1. Người có công với cách mạng và nhân thân theo quy định tại Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ưu đãi người có công với cách mạng đang theo học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân:

a) Con của người hoạt động cách mạng trước ngày 01/01/1945; con của người hoạt động cách mạng từ ngày 01/01/1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945;

b) Con của liệt sỹ;

c) Con của anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân;

d) Con của anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến;

đ) Con của thương binh, con của người hưởng chính sách như thương binh;

e) Con của bệnh binh;

g) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học;

2. Sinh viên khuyết tật.

3. Sinh viên từ 16 đến 22 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng đang học đại học văn bằng thứ nhất thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại khoản 1 và 2 Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ.

4. Sinh viên hệ cử tuyển.

5. Sinh viên là người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (trong trường hợp sinh viên ở với ông bà) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo.

6. Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ) ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn.

7. Sinh viên thuộc các đối tượng của các chương trình, đề án được miễn học phí theo quy định của Chính phủ.

Điều 4. Đối tượng được giảm học phí

1. Đối tượng được giảm 70% học phí: Sinh viên là người dân tộc thiểu số (ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người) ở thôn/ bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo.

2. Đối tượng được giảm 50% học phí: Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

Điều 5. Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập

1. Đối tượng: Sinh viên là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định của Nhà nước.

2. Mức hỗ trợ: Bằng 60% mức lương cơ sở và được hưởng không quá 10 tháng/năm học/sinh viên.

Điều 6. Đối tượng được hỗ trợ học tập

1. Đối tượng: Sinh viên là người dân tộc thiểu số rất ít người (Cống, Mảng, Pu Páo, Si La, Cờ Lao, Bô Y, La Ha, Ngái, Chứt, Ô Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lự, Pà Thẻn, La Hủ).

2. Mức hỗ trợ: Bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng. Thời gian được hưởng hỗ trợ 12 tháng/năm cho năm học có thời gian học đủ 9 tháng trở lên; trường hợp năm học không đủ 9 tháng thì được hưởng theo thời gian học thực tế.

Chương III

CƠ CHẾ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP VÀ HỖ TRỢ HỌC TẬP

Điều 7. Cơ chế miễn, giảm học phí

1. Việc miễn, giảm học phí được thực hiện trong suốt thời gian sinh viên học tập tại ĐHBK Hà Nội, trừ trường hợp có những thay đổi về lý do miễn hoặc giảm học phí.

2. Các học phần được miễn, giảm học phí: Học phần học lần thứ nhất thuộc chương trình đào tạo chuẩn.

3. Các học phần không được miễn, giảm học phí:

a) Các học phần học tại học kỳ hè;

- b) Các học phần học lại;
- c) Các học phần ngoài chương trình đào tạo chuẩn.

4. Đối tượng không được miễn, giảm học phí:

- a) Sinh viên đang hưởng lương và sinh hoạt phí trong quá trình học tập;
- b) Sinh viên đã từng học đại học và được hưởng chế độ miễn, giảm học phí tại một cơ sở giáo dục đại học khác;
- c) Sinh viên học chuyển tiếp từ chương trình đào tạo cử nhân lên kỹ sư.

5. Đối với các lớp học phần mở riêng theo yêu cầu của sinh viên: Mức miễn, giảm học phí bằng mức miễn, giảm học phí của học phần đó dành cho lớp học phần chuẩn. Sinh viên phải chi trả phần học phí chênh lệch giữa lớp học phần mở theo yêu cầu và phần học phí được miễn, giảm.

6. Trường hợp sinh viên xin nghỉ học giữa kỳ: Mức miễn, giảm học phí được tính dựa trên mức học phí sinh viên phải đóng tại thời điểm sinh viên xin nghỉ học theo Quy chế đào tạo hiện hành của ĐHBK Hà Nội.

7. Không áp dụng chế độ miễn, giảm học phí trong thời gian sinh viên bị kỷ luật ngừng học tập hoặc buộc thôi học.

8. Trường hợp sinh viên phải dừng học do ốm đau, tai nạn hoặc lý do bất khả kháng khi quay lại học thì tiếp tục được hưởng chính sách miễn, giảm học phí.

9. Sinh viên đồng thời học tại nhiều cơ sở giáo dục hoặc nhiều ngành tại ĐHBK Hà Nội thì chỉ được miễn, giảm học phí tại một cơ sở giáo dục và một ngành học.

10. Đại học Bách khoa Hà Nội cấp bù phần học phí chênh lệch giữa mức học phí theo quy định của ĐHBK Hà Nội và mức trần học phí do Nhà nước miễn, giảm quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

Điều 8. Cơ chế cấp hỗ trợ chi phí học tập

1. Sinh viên hệ cử tuyển, sinh viên thuộc khối quốc phòng, an ninh gửi đào tạo, sinh viên học liên thông không được hưởng hỗ trợ chi phí học tập.

2. Sinh viên bị buộc thôi học không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập kể từ thời điểm Quyết định buộc thôi học có hiệu lực.

3. Sinh viên tạm ngừng học tập (có thời hạn) không được nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian tạm ngừng học tập.

4. Sinh viên đã nhận kinh phí hỗ trợ chi phí học tập mà bị đình chỉ học tập hoặc xin tạm ngừng học tập sẽ bị khấu trừ số tiền tương ứng với số tháng bị đình chỉ học tập vào kỳ học tiếp theo sau khi sinh viên nhập học lại.

Điều 9. Cơ chế cấp hỗ trợ học tập

1. Sinh viên đồng thời học nhiều ngành tại ĐHBK Hà Nội hoặc đồng thời học tại cơ sở giáo dục khác thì chỉ được hưởng hỗ trợ một lần tại một cơ sở giáo dục.

2. Sinh viên bị buộc thôi học không được nhận kinh phí hỗ trợ học tập kể từ thời điểm Quyết định buộc thôi học có hiệu lực.

3. Sinh viên tạm ngừng học tập (có thời hạn) không được nhận kinh phí hỗ trợ học tập trong thời gian tạm ngừng học tập.

4. Sinh viên được nhận hỗ trợ học tập sẽ không được nhận hỗ trợ chi phí học tập quy định tại Điều 5 của Quy định này.

Chương IV
QUY TRÌNH THỦ TỤC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH MIỄN, GIẢM
HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP, HỖ TRỢ HỌC TẬP
VÀ PHƯƠNG THỨC CHI TRẢ

Điều 10. Hồ sơ miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập

1. Đối tượng tại khoản 1 Điều 3:

- a) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí: Mẫu đơn theo Phụ lục I;
- b) Bản sao chứng thực giấy xác nhận của cơ quan quản lý đối tượng là người có công với cách mạng có con thuộc diện miễn, giảm học phí;
- c) Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.

2. Đối tượng tại khoản 2 Điều 3:

- a) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí: Mẫu đơn theo Phụ lục I;
- b) Bản sao chứng thực Giấy xác nhận khuyết tật do Ủy ban nhân dân cấp xã cấp hoặc bản sao chứng thực Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội;
- c) Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.

3. Đối tượng tại khoản 3 Điều 3:

- a) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí: Mẫu đơn theo Phụ lục I;
- b) Bản sao chứng thực Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc trợ cấp xã hội;
- c) Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.

4. Đối tượng tại khoản 4 Điều 3:

- a) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí: Mẫu đơn theo Phụ lục I.

5. Đối tượng tại khoản 5 Điều 3:

- a) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí: Mẫu đơn theo Phụ lục I;
- b) Đơn đề nghị hỗ trợ chi phí học tập: Mẫu đơn theo Phụ lục II;
- c) Bản sao chứng thực giấy xác nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo (sổ hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo);
- d) Bản sao chứng thực (trong vòng 3 tháng) Thẻ CCCD hoặc CMND.
- đ) Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.
- e) Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.

6. Đối tượng tại khoản 6 Điều 3:

- a) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí: Mẫu đơn theo Phụ lục I;
- b) Đơn đề nghị hỗ trợ học tập: Mẫu đơn theo Phụ lục III;

c) Bản sao chứng thực (trong vòng 3 tháng) Thẻ CCCD hoặc CMND.

d) Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

đ) Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.

7. Đối tượng tại khoản 1 Điều 4:

a) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí: Mẫu đơn theo Phụ lục I;

b) Bản sao chứng thực (trong vòng 3 tháng) Thẻ CCCD hoặc CMND.

c) Giấy xác nhận thông tin về cư trú hoặc Giấy thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

d) Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.

8. Đối tượng tại khoản 2 Điều 4:

a) Đơn đề nghị miễn, giảm học phí: Mẫu đơn theo Phụ lục I;

b) Bản sao chứng thực Sổ hưởng trợ cấp hàng tháng hoặc minh chứng nhận trợ cấp hàng tháng của cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp do tổ chức bảo hiểm xã hội cấp;

c) Bản sao chứng thực giấy chứng nhận trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp hoặc Quyết định trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp;

d) Bản sao chứng thực giấy khai sinh của sinh viên.

9. Đối tượng thuộc khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 3 và khoản 1, 2 Điều 4 chỉ phải làm 01 bộ hồ sơ nộp lần đầu cho cả thời gian học tập; đối tượng tại khoản 5 Điều 3 phải nộp lại hồ sơ vào tháng hai hàng năm để làm căn cứ xét miễn, giảm học phí trong năm.

Điều 11. Quy trình thực hiện miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và phương thức chi trả

1. Sinh viên cần hoàn thành và nộp hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho Phòng/Ban chức năng Công tác sinh viên trong vòng 7 tuần đầu tiên của học kỳ.

2. Phòng/Ban chức năng Công tác sinh viên:

a) Tổng hợp kết quả hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập và trình Hội đồng xét duyệt hồ sơ chế độ chính sách ĐHBK Hà Nội họp xét trong vòng 5 ngày làm việc sau khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ;

b) Chuyển danh sách sinh viên được miễn, giảm học phí do Hội đồng phê duyệt cho Phòng/Ban chức năng Đào tạo trong vòng 03 ngày làm việc sau khi họp Hội đồng.

3. Phòng/Ban chức năng Đào tạo thực hiện việc tính tiền học phí các học phần được miễn, giảm cho sinh viên và chuyển Phòng/Ban chức năng Công tác sinh viên trong vòng 03 ngày làm việc sau khi hoàn thành việc tính học phí học kỳ xét miễn, giảm học phí.

4. Phòng/Ban chức năng Công tác sinh viên tính tiền miễn, giảm học phí, hoàn thành hồ sơ miễn, giảm học phí, hồ sơ hỗ trợ chi phí học tập, hồ sơ hỗ trợ học tập và chuyển hồ sơ miễn giảm học phí cho Phòng/Ban chức năng Đào tạo; hồ sơ miễn, giảm học phí, hồ sơ hỗ trợ chi phí học tập, hồ sơ hỗ trợ học tập cho Phòng/Ban chức năng

Tài chính – Kế toán trong vòng 03 ngày làm việc sau khi tiếp nhận kết quả tính tiền học phí các học phần được miễn, giảm từ Phòng/Ban chức năng Đào tạo.

5. Phòng/Ban chức năng Đào tạo thực hiện việc trừ trực tiếp tiền miễn, giảm học phí cấp bù (nếu có) của ĐHBK Hà Nội vào phần học phí của sinh viên phải đóng.

6. Phòng/Ban chức năng Tài chính - Kế toán thực hiện chi trả (bằng hình thức chuyển khoản) tiền miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên.

7. Việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập được thực hiện theo học kỳ và thực hiện từ học kỳ sinh viên nộp đầy đủ hồ sơ miễn, giảm học phí theo quy định tại Điều 10.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 12. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký Quyết định ban hành và được áp dụng từ học kỳ 1 năm học 2023-2024. Các quy định trước đây trái với Quy định này đều hết hiệu lực thi hành.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, Trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan kịp thời báo cáo Giám đốc Đại học thông qua Phòng/Ban chức năng Công tác sinh viên để đề xuất sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn của ĐHBK Hà Nội và các quy định của pháp luật.

Phụ lục I**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ**

(Kèm theo Quy định về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội được ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHBK ngày / /2023 của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

(Dùng cho học sinh, sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội.

Họ và tên:.....

Ngày, tháng, năm sinh:.....

Nơi sinh:.....

Lớp:.....Khóa:.....Trường/Viện/Khoa:.....

Mã số sinh viên:.....

Thuộc đối tượng: *(Ghi rõ đối tượng được quy định tại Nghị định số 81/2021/NĐ-CP)*

.....

.....

Đã được hưởng chế độ miễn giảm học phí (ghi rõ tên cơ sở đã được hưởng chế độ miễn giảm học phí, cấp học và trình độ đào tạo):

.....

.....

Căn cứ vào Nghị định số 81/2021/NĐ-CP của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị được Nhà trường xem xét để được miễn, giảm học phí quy định hiện hành.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Phụ lục II**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP**

(Kèm theo Quy định về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội được ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHBK ngày / /2023 của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

(Dùng cho sinh viên đang học tại các cơ sở giáo dục đại học công lập)

Kính gửi: Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội.

Họ và tên sinh viên:; Dân tộc:

Ngày, tháng năm sinh:

Nơi sinh:

Lớp:; Khóa:

Trường/Viện/Khoa:

Mã số sinh viên:

Thuộc đối tượng (ghi rõ đối tượng được quy định tại Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Chính phủ):

.....

.....

Căn cứ Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg của Chính phủ, tôi làm đơn này đề nghị Nhà trường xem xét để hỗ trợ chi phí học tập theo quy định.

**XÁC NHẬN CỦA PHÒNG/BAN
CÔNG TÁC SINH VIÊN**

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký tên và ghi rõ họ tên)

Phụ lục III**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC TẬP**

(Kèm theo Quy định về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội được ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHBK ngày / /2023 của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC TẬP

(Dùng cho học sinh, sinh viên học tại các cơ sở giáo dục công lập)

Kính gửi: Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội.

Họ và tên sinh viên:

Hộ khẩu thường trú tại:

Sinh ngày:

Dân tộc:

Hiện đang học tại lớp:

Khóa:; Trường/Viện/Khoa:

Trường: Đại học Bách khoa Hà Nội.

Tôi làm đơn này đề nghị các cấp quản lý xem xét, giải quyết cấp tiền hỗ trợ học tập theo quy định và chế độ hiện hành.

XÁC NHẬN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN

CẤP XÃ¹

nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú

(Ký tên, đóng dấu)

....., ngày tháng năm

Người làm đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

¹ Trường hợp sinh viên có giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu của gia đình thì nộp giấy khai sinh hoặc sổ hộ khẩu của gia đình (bản sao có mang bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực từ bản chính) kèm theo đơn, không cần xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã.

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC SỐ TÍN CHỈ HỌC PHÍ CÁC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Kèm theo Quy định về việc miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ học tập cho sinh viên Đại học Bách khoa Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHBK ngày / /2023 của Giám đốc Đại học Bách khoa Hà Nội)

TT	Ngành	Số TCHP/ Năm học	Nhóm ngành
1	Công nghệ giáo dục	53	I
2	Quản trị kinh doanh	53	III
3	Quản trị kinh doanh (VUW BA)	50	
4	CTTT Phân tích kinh doanh (ngành Quản trị kinh doanh)	69	
5	Tài chính - Ngân hàng	53	
6	Kế toán	54	
7	Hệ thống thông tin quản lý	53	
8	Kỹ thuật sinh học	57	IV
9	Hoá học	56	
10	Quản lý công nghiệp	53	V
11	Quản lý công nghiệp (CTĐT chuẩn từ năm 2022)	54	
12	CTTT Logistic và Quản lý chuỗi cung ứng (ngành Quản lý công nghiệp)	63	
13	Quản lý công nghiệp (CTĐT hợp tác với ĐH Northampton - EM-NU)	49	
14	Kinh tế công nghiệp	53	
15	Kỹ thuật hoá học	58	
16	Kỹ thuật hoá học (CTĐT tài năng)	58	
17	CTTT (Kỹ thuật) Hóa dược	69	
18	Kỹ thuật In	58	
19	Kỹ thuật dệt	54	
20	Công nghệ dệt, may	58	
21	Công nghệ da giày	58	
22	Toán tin	53	
23	Toán tin (CTĐT tài năng)	53	
24	Công nghệ thông tin	55	
25	Công nghệ thông tin (Cử nhân công nghệ)	55	
26	CNTT Việt Pháp (ngành CNTT)	62	
27	CNTT ICT (ngành CNTT)	69	

28	CNTT Việt Nhật (ngành CNTT)	68	
29	Công nghệ thông tin CTĐT hợp tác với ĐH La Trobe - LTU	54	
30	Kỹ thuật phần mềm CTĐT hợp tác với ĐH Victoria Wellington - VUW	51	
31	Thiết kế & Quản trị hệ thống thông tin CTĐT hợp tác với ĐH Grenoble INP/ Hệ thống thông tin INPG	65	
32	Khoa học máy tính	54	
33	KSTN Công nghệ thông tin/ CTĐT tài năng Khoa học máy tính	54	
34	CTTT Khoa học dữ liệu	66	
35	CTTT An toàn không gian số (ngành An toàn thông tin)	67	
36	Kỹ thuật máy tính	54	
37	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	53	V
38	Hệ thống thông tin (Chất lượng cao PFIEV)	70	
39	Kỹ thuật cơ khí/ Công nghệ kỹ thuật cơ khí	57	
40	Kỹ thuật cơ điện tử	55	
41	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	56	
42	Kỹ thuật cơ điện tử (CTĐT tài năng)	55	
43	CTTT (Kỹ thuật) Cơ điện tử	68	
44	Cơ điện tử CTĐT hợp tác với ĐH Công nghệ Nagaoka	59	
45	Cơ khí Chế tạo máy hợp tác với ĐH Griffith ME-GU - ngành Kỹ thuật Cơ khí	54	
46	Cơ điện tử CTĐT hợp tác với ĐH Leibniz Hannover ME-LUH	61	
47	Kỹ thuật nhiệt	56	
48	Kỹ thuật cơ khí động lực	55	
49	Kỹ thuật hàng không	53	
50	Kỹ thuật hàng không (Chất lượng cao PFIEV)/ KSCLC Cơ khí hàng không	70	
51	Kỹ thuật ô tô	54	
52	CTTT Kỹ thuật Ô tô	67	
53	Kỹ thuật tàu thủy	54	
54	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	54	
55	Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông	55	
56	Kỹ thuật điện tử - viễn thông (CTĐT tài năng)	54	
57	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông/ Kỹ thuật điện tử truyền thông CTĐT hợp tác với ĐH Leibniz Hannover - LUH	59	
58	CTTT Truyền thông số và Kỹ thuật đa phương tiện (ngành Truyền thông số và Kỹ thuật Đa phương tiện)	67	

59	CTTT Kỹ thuật y sinh	70	
60	Kỹ thuật y sinh (CTĐT chuẩn từ năm 2022)	55	
61	CTTT Điện tử - Viễn thông/ CTTT Kỹ thuật Điện tử viễn thông/ CTTT Kỹ thuật điện tử truyền thông	66	
62	CTTT Hệ thống nhúng và IoT	63	
63	Kỹ thuật Điện - Điện tử/ Kỹ thuật điện	54	
64	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	54	
65	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá (CTĐT tài năng)	54	
66	Tin học công nghiệp (Chất lượng cao PFIEV)	70	
67	CTTT KTĐK-TĐH	65	
68	CTTT Hệ thống điện và NLTT	65	
69	CTTT Kỹ thuật ĐK - TĐH và Hệ thống điện	65	
70	Kỹ thuật vật liệu/ Kỹ thuật vật liệu kim loại	54	
71	CTTT (Khoa học và) Kỹ thuật Vật liệu	54	
72	Kỹ thuật môi trường	55	
73	Quản lý tài nguyên và môi trường	55	
74	Vật lý kỹ thuật	54	
75	Vật lý kỹ thuật (CTĐT tài năng)	54	
76	Kỹ thuật hạt nhân	53	
77	Vật lý y khoa	50	
78	Kỹ thuật/ Công nghệ thực phẩm	55	V
79	CTTT Kỹ thuật thực phẩm	67	
80	Ngôn ngữ Anh (CT chuẩn)	54	VII
81	Ngôn ngữ Anh (Tiếng Anh chuyên nghiệp quốc tế IPE)	52	

(Danh mục này gồm 81 ngành/chương trình đào tạo)